

BÁO CÁO VĨ MÔ & THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

03/2024



Mở tài khoản



Tải ứng dụng

NỘI DUNG CHÍNH

SẢN XUẤT, TIÊU DÙNG VÀ XUẤT KHẨU TĂNG TRƯỞNG ỔN ĐỊNH, ÁP LỰC TỶ GIÁ TĂNG TRONG NGẮN HẠN.

- IIP giảm do nghỉ Tết kéo dài nhưng sản xuất công nghiệp đã cho thấy dấu hiệu khởi sắc
- PMI giữ vững trên ngưỡng 50 ở tháng thứ 2 liên tiếp
- Tăng trưởng bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ghi nhận tích cực
- Hoạt động xuất nhập khẩu khả quan hơn trong 2 tháng đầu năm 2024
- Số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động 2T.2024 tăng 8.5%yoy
- Giải ngân vốn đầu tư công 2T.2024 đạt 8.4% kế hoạch, tăng 2.1%yoy
- Giải ngân FDI 2 tháng đầu năm đạt mức kỷ lục trong vòng 5 năm qua
- Lạm phát gia tăng nhưng không đáng lo ngại
- Áp lực tỷ giá trong thời gian tới vẫn hiện hữu nhưng không quá căng thẳng
- Lãi suất liên ngân hàng giảm mạnh sau khi vượt đỉnh tháng 05/2023

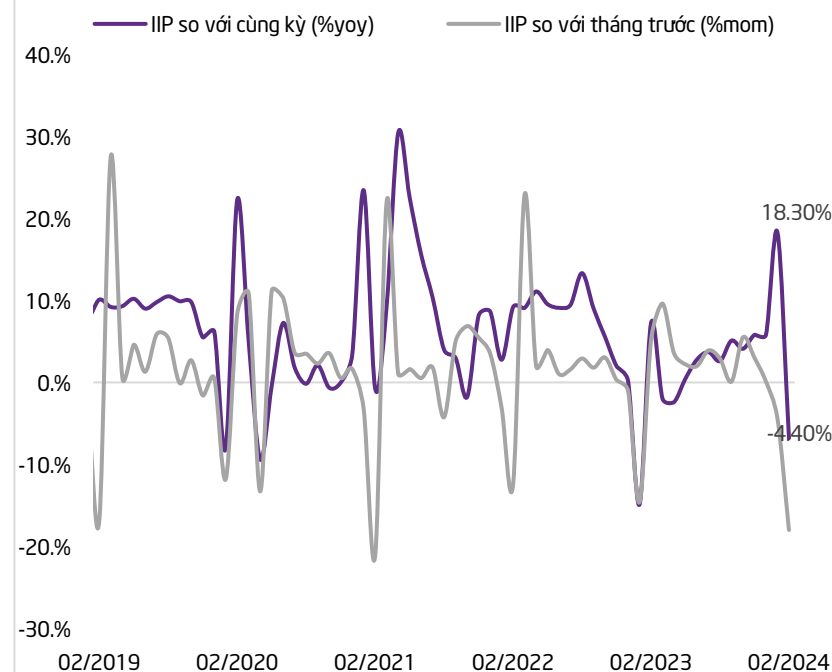
ĐIỂM LẠI THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 02/2024 & TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG TRONG THÁNG 03/2024

- Thiết lập tháng tăng điểm thứ 4 liên tiếp
- Thanh khoản dồi dào trong tháng 02.2024
- Khối ngoại tiếp tục rút ròng
- Lựa chọn ngành nào cho tháng 3?
- VN-Index - đà tăng dự kiến sẽ chậm lại trong tháng 3

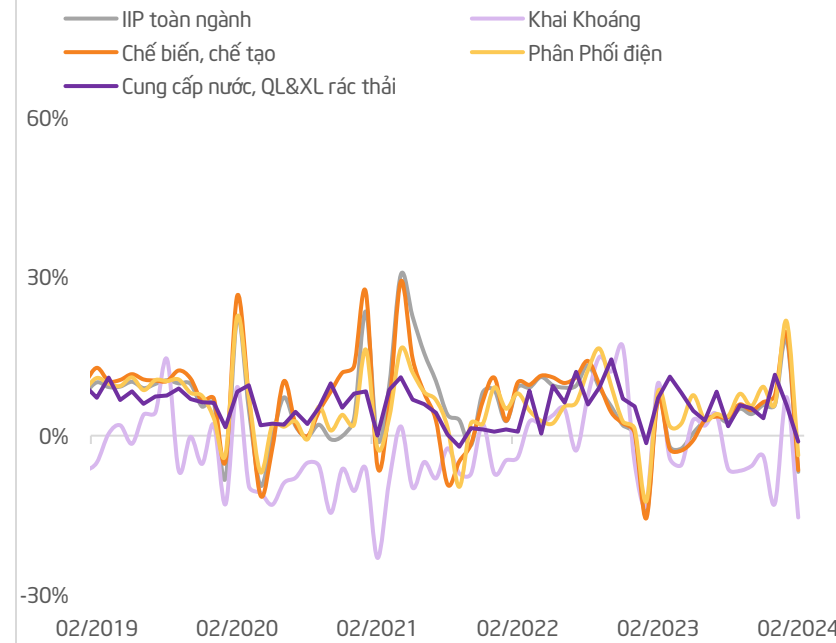
IIP giảm do nghỉ Tết kéo dài nhưng sản xuất công nghiệp đã cho thấy dấu hiệu khởi sắc

- IIP tháng 02.2024 giảm 18.0%mom, tăng 6.8%yoy. Trong đó, ngành khai khoáng giảm 15.4%yoy do khai thác than, dầu thô và khí đốt giảm; ngành chế biến chế tạo giảm 6.5%yoy do sự giảm sút của một số ngành như sửa chữa bảo dưỡng máy móc, sản xuất đồ uống, sản xuất xe và phương tiện có động cơ, sản xuất chế biến gỗ; ngành phân phối điện giảm 3.7% và ngành cung cấp và xử lý rác thải giảm 1.1%.
- IIP 2T.2024 tăng 5.7%yoy (cùng kỳ năm 2023 giảm 2.9%yoy). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 5.9%yoy, đóng góp 5.2 điểm phần trăm; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 12.2%, đóng góp 1.1 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải tăng 2.5%yoy, đóng góp 0.04 điểm phần trăm.
- **TPS nhận định:** Mặc dù IIP tháng 02 có giảm nhưng chỉ mang tính tạm thời do chủ yếu là thời gian nghỉ Tết kéo dài trong tháng 02. Nếu tính chung cả 2 tháng đầu năm IIP vẫn duy trì được mức tăng đáng kể 5.7%yoy so với 2T.2023 (giảm 2.9%yoy). Sự cải thiện tích cực được đóng góp từ sự phục hồi đáng kể của một số nhóm ngành hàng xuất khẩu như sản xuất hoá chất (27.7%yoy), sản xuất than cốc (25.5%yoy), sản xuất cao su (24.3%), sản xuất gỗ và đồ gỗ (+23.4%yoy), sản xuất hoá dược (+23.2%yoy), sản xuất thiết bị điện (+22.1%yoy) và Dệt (17.6%). Điểm tích cực trong 2 tháng đầu năm 2024 cho thấy một bức tranh khá rõ ràng và tươi sáng hơn đối với lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là các nhóm ngành xuất khẩu.

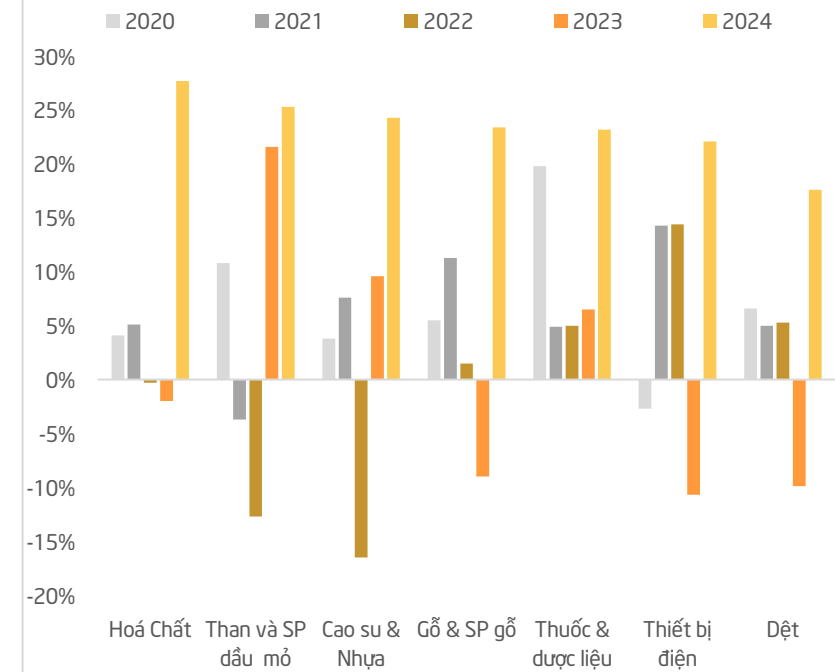
Diễn biến tăng trưởng IIP so với cùng kỳ và tháng trước.



IIP các nhóm ngành chính đều giảm do thời gian nghỉ tết giáp Thìn vào trọn trong tháng 02(%yoy)



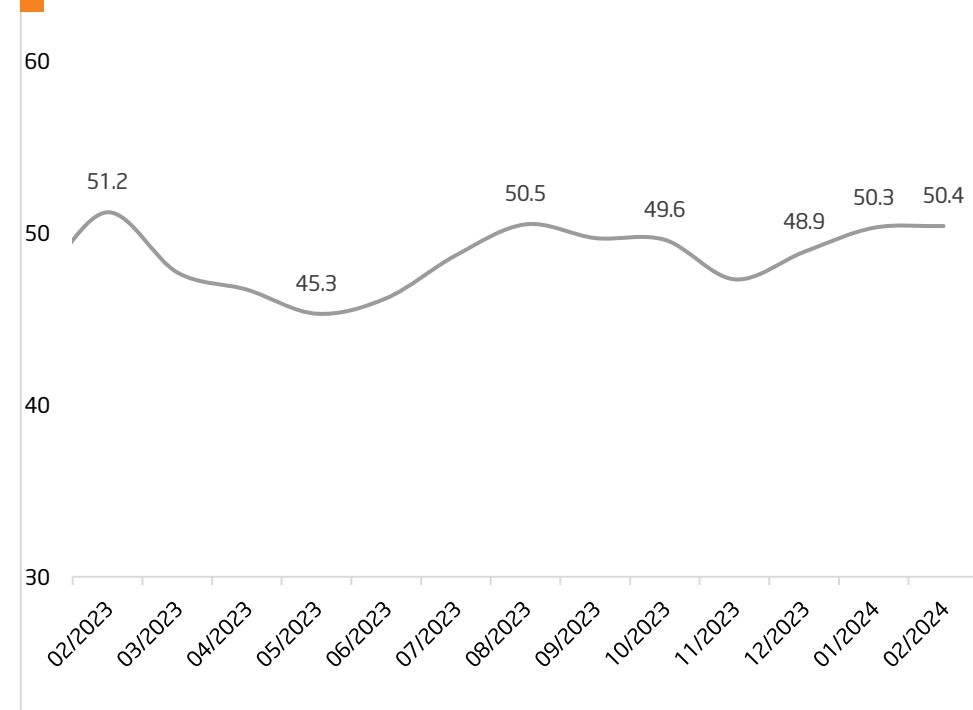
Một số ngành có IIP 2T.(2020 - 2024) tăng trưởng cao (%yoy)



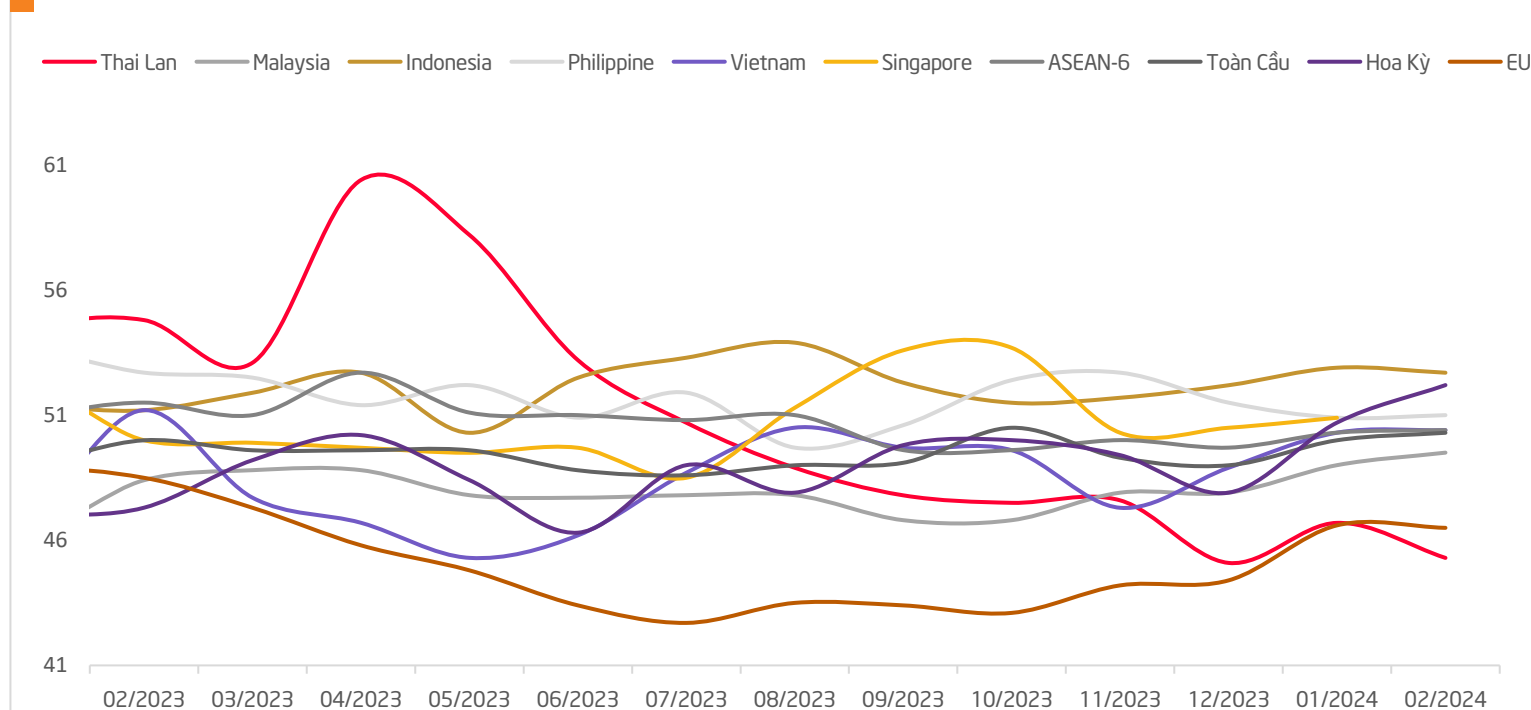
PMI giữ vững trên ngưỡng 50 ở tháng thứ 2 liên tiếp

- PMI ngành sản xuất – ASEAN tháng 02 tăng nhẹ lên 50.4 điểm từ 50.3 điểm trong tháng 01.2024. Điều này cho thấy, ngành sản xuất ASEAN có các điều kiện kinh doanh tiếp tục cải thiện trong tháng 2, mặc dù mức cải thiện không đáng kể. Số lượng đơn đặt hàng tăng so với tháng trước và số lượng nhân viên tăng đã giúp sản lượng duy trì đà tăng. Tuy nhiên, các nhà sản xuất vẫn không thể có số lượng đơn đặt hàng mới tăng khi nhu cầu khách hàng giảm ở các quốc gia như Thái Lan, Myanmar và Malaysia. Trong đó, Thái Lan là quốc gia có số lượng đơn đặt hàng mới cũng như các hoạt động giảm mạnh nhất trong số các quốc gia ASEAN được khảo sát.
- PMI ngành sản xuất – Việt Nam tiếp tục tăng trưởng nhẹ lên 50.4 điểm trong tháng 2 khi cả sản lượng và số lượng đơn hàng mới đều tăng tháng thứ 2 liên tiếp. Đà tăng trưởng duy trì giúp việc làm tăng trở lại, trong khi niềm tin kinh doanh ghi nhận ở mức cao nhất của một năm. Tuy nhiên, mức tăng trưởng tổng thể vẫn tương đối yếu, và điều này khiến các công ty tiếp tục thận trọng trong hoạt động mua hàng và duy trì hàng tồn kho. Bên cạnh đó, mức độ tăng giá cũng nhẹ khi một số công ty vẫn do dự trong việc tăng giá trong một môi trường cạnh tranh.

PMI của Việt Nam tăng nhẹ nhờ Việc làm và niềm tin kinh doanh tích cực

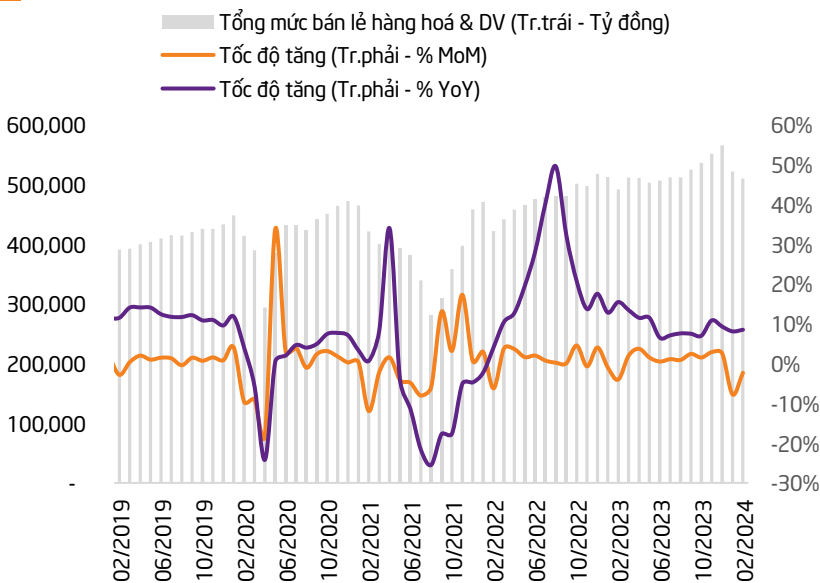


PMI các nước ASEAN và một số thị trường xuất khẩu chính của Việt Nam

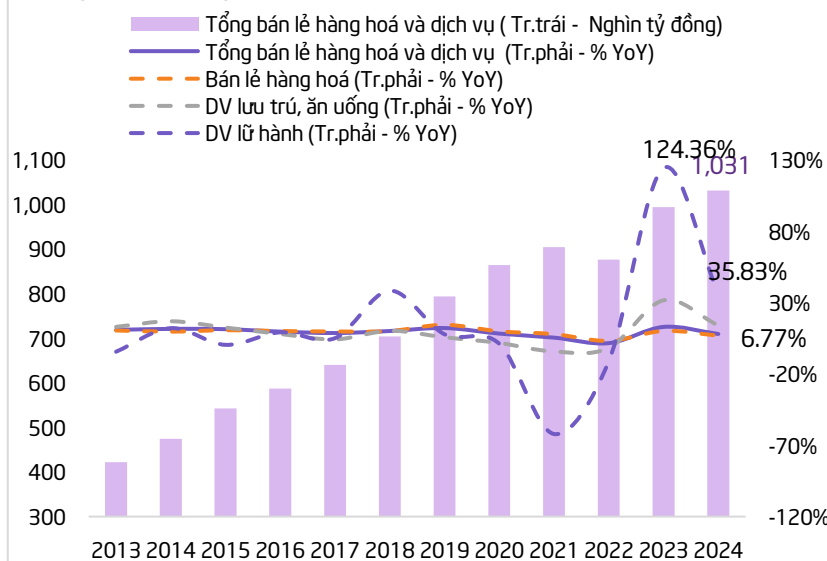


- Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 2.2024 ước đạt 509.7 nghìn tỷ đồng, giảm 2.3%mom và tăng 8.5%yoy. Tính chung 2T.2024, tổng mức bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ghi nhận 1,031 nghìn tỷ đồng, tăng 8.1%yoy (cùng kỳ năm 2023 tăng 14.7%yoy), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 5.0%yoy (cùng kỳ năm 2023 tăng 10.9%yoy). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hoá ghi nhận 798.3 nghìn tỷ đồng, chiếm 77.4% tổng mức và tăng 6.8%yoy; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ghi nhận 118.3 nghìn tỷ đồng, chiếm 11.5% tổng mức và tăng 14%yoy; doanh thu du lịch lữ hành ghi nhận 9 nghìn tỷ đồng, chiếm 0.9% tổng mức và tăng 35.8%yoy.
- Lượng khách quốc tế đến Việt Nam trong tháng 2.2024 ghi nhận 1.5 triệu lượt người. Tính chung 2T.2024, khách quốc tế đến Việt Nam đạt hơn 3 triệu lượt người, tăng 68.7%yoy và bằng 99% so với trước dịch – cùng kỳ năm 2019.
- TPS nhận định:** Sự hồi phục của nhiều lĩnh vực như xuất khẩu, đầu tư công, FDI, du lịch và sản xuất đang là những yếu tố tích cực tác động tới thị trường nội địa trong những tháng đầu năm 2024. Bên cạnh đó, kỳ vọng Fed giảm lãi suất trong năm nay và sự tăng lên của các đơn hàng mới xuất khẩu đang góp phần làm niềm tin kinh doanh cũng được tăng lên. Kết quả, các doanh nghiệp đã tăng cường mở rộng sản xuất và tuyển dụng lao động, góp phần tạo thu nhập ổn định cho người tiêu dùng – yếu tố chính thúc đẩy thị trường tiêu thụ trong nước. Chúng tôi kỳ vọng rằng, thị trường bán lẻ trong nước sẽ có nhiều chuyển biến tích cực hơn trong năm 2024, rõ nét nhất kể từ quý 3.2024 – thời điểm kỳ vọng Fed quyết định cắt giảm lãi suất.

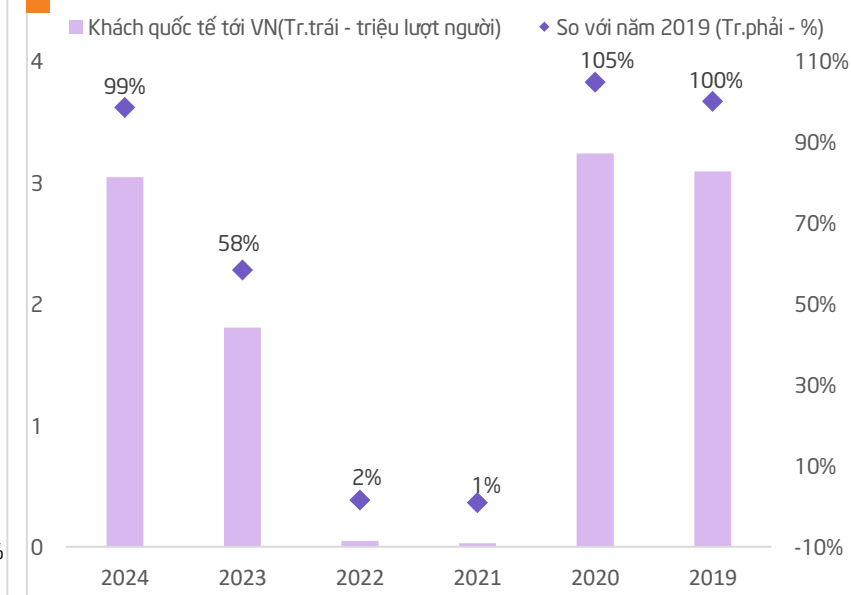
Bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



Tổng bán lẻ hàng hoá và doanh thu dịch vụ và tăng trưởng 2T.(2015-2024)

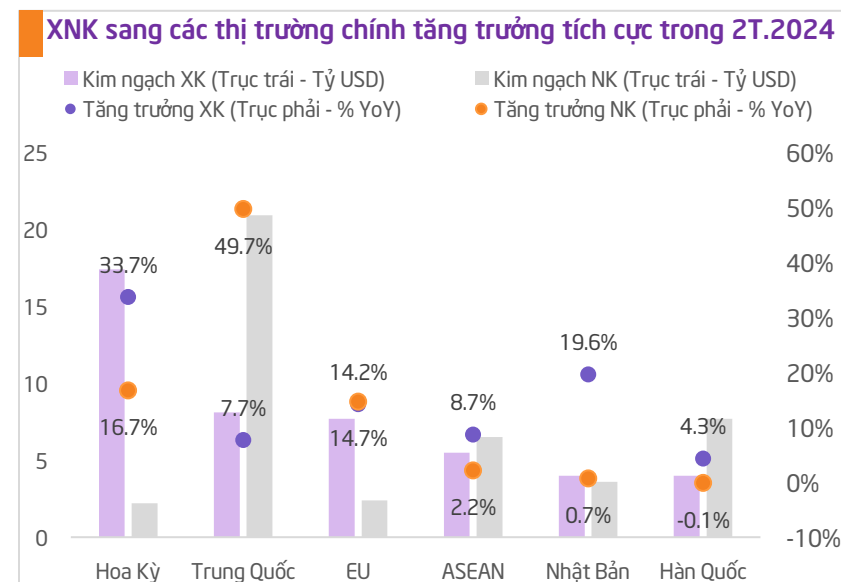
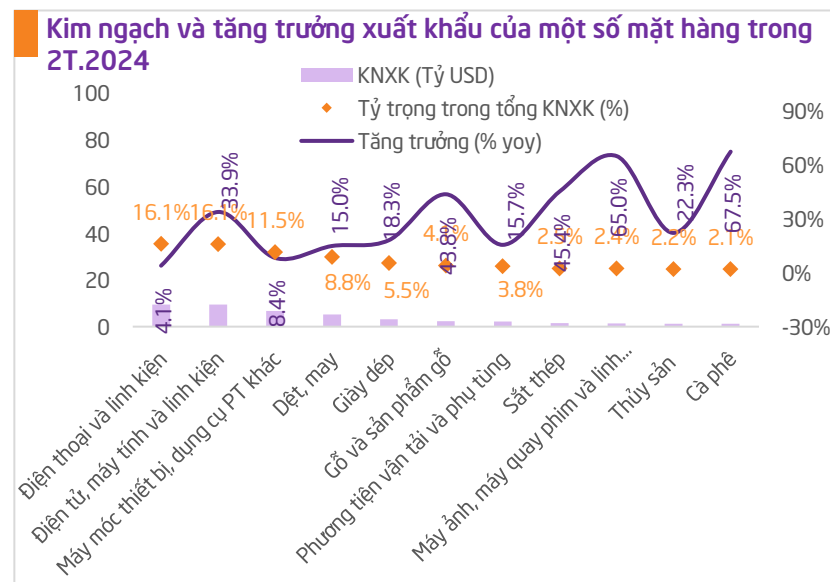
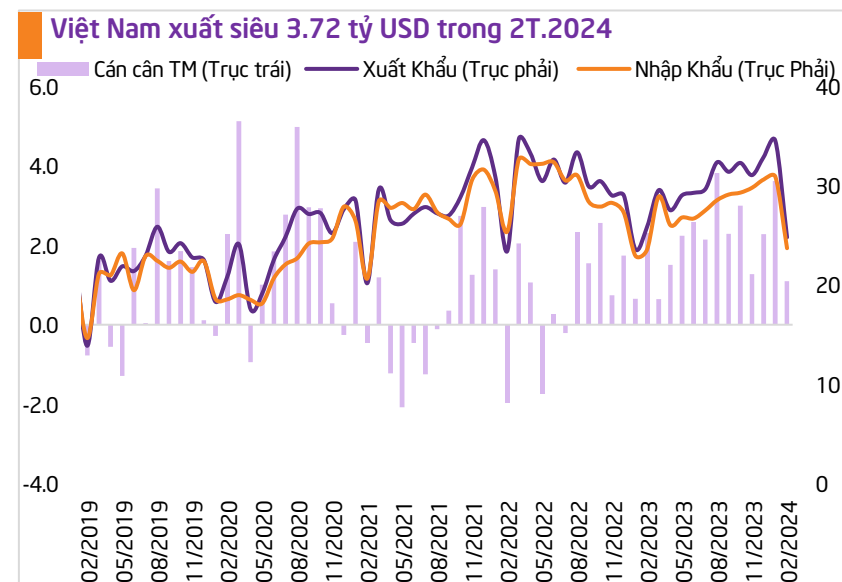


Khách quốc tế tới VN 2T.2024 đạt 99% so với cùng kỳ 2019



Hoạt động xuất nhập khẩu quan hơn trong 2 tháng đầu năm 2024

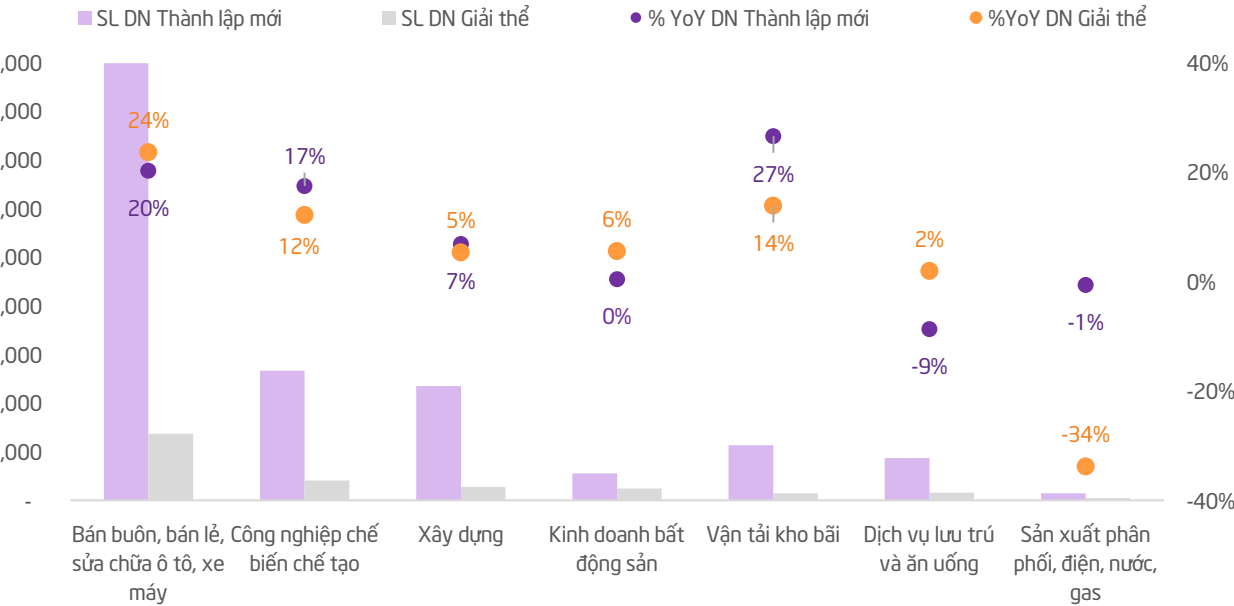
- Kim ngạch xuất khẩu hàng hoá tháng 02.2024 ước đạt 24.82 tỷ USD, giảm 28.1%mom và giảm 5%yoy. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 0.9%yoy và khu vực FDI giảm 7%yoy. Tính chung 2T.2024, kim ngạch xuất khẩu hàng hoá ước đạt 59.34 tỷ USD, tăng 19.2%yoy (cùng kỳ giảm 10.4%). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 16.14 tỷ USD, tăng 33.3%, chiếm 27.2% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực FDI đạt 43.2 tỷ USD, tăng 14.7%, chiếm 72.8%.
- Kim ngạch nhập khẩu hàng hoá tháng 02.2024 ước đạt 23.72 tỷ USD, giảm 23.2%mom và tăng 1.8%yoy. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước tăng 5.4%, khu vực FDI giảm 0.1%. Tính chung 2T.2024, kim ngạch nhập khẩu hàng hoá ước đạt 54.62 tỷ USD, tăng 18%yoy (cùng kỳ giảm 16%), trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 19.67 tỷ USD, tăng 27.4%, khu vực FDI đạt 34.95 tỷ USD, tăng 13.3%.
- Việt Nam xuất siêu 4.72 tỷ USD trong 2T.2024, tăng 35%yoy. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 3.53 tỷ USD, khu vực FDI xuất siêu 8.25 tỷ USD.
- TPS nhận định:** Xuất khẩu và nhập khẩu trong 2T.2024 đều tích cực hơn so với cùng kỳ năm trước. Sự khởi sắc của xuất khẩu đến từ sự phục hồi mạnh mẽ ở các thị trường xuất khẩu chính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU, ASEAN, Trung Quốc và Hàn Quốc. Nhiều mặt hàng ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu tích cực như Cà phê, máy ảnh & linh kiện, sắt thép, gỗ & sản phẩm gỗ, điện tử, thủy sản, giày dép, dệt may...Để đảm bảo nguyên liệu và máy móc phục vụ xuất khẩu, hoạt động nhập khẩu của Việt Nam cũng khá sôi động ở hai tháng đầu năm 2024. Hiện nay, tỷ giá đang tăng sẽ là chất xúc tác tích cực cho các hoạt động xuất khẩu, nhưng cũng làm ảnh hưởng không mấy tích cực tới các hoạt động nhập khẩu của các doanh nghiệp. Tuy nhiên, chúng tôi kỳ vọng, tác động này sẽ không quá căng thẳng và kéo dài như những thời gian trước đây do lạm phát Hoa Kỳ đang giảm và khả năng Fed sẽ cắt giảm lãi suất trong thời gian tới.



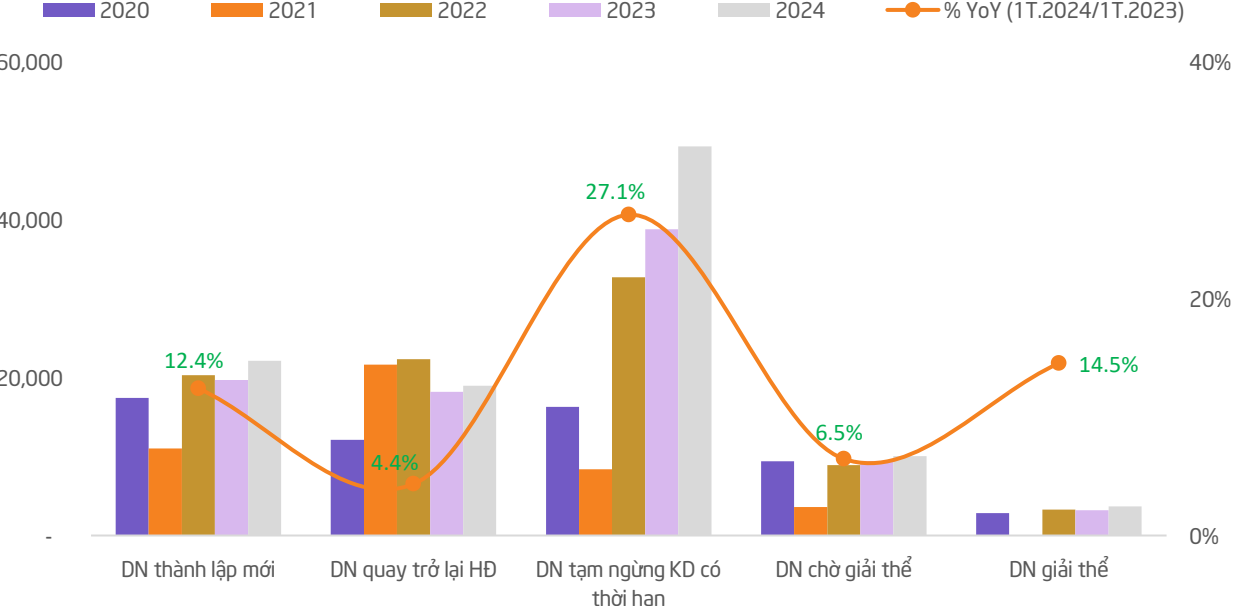
Số doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động 2T.2024 tăng 8.5%yoy

- Trong tháng 02.2024, cả nước có gần 8.6 nghìn doanh nghiệp mới, giảm 36.5%mom và giảm 2.8%yoy. Bên cạnh đó, cả nước có hơn 5.3 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, giảm 61.3%mom và tăng 36%yoy. Trong 2T.2024, cả nước có hơn 22.1 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới, tăng 12.4%yoy và gần 19 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, tăng 4.4%yoy, nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 2T.2024 lên gần 41.1 nghìn doanh nghiệp, tăng 8.5%yoy. Bình quân một tháng có hơn 20.5 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.
- Trong tháng 02.2024, có 5,146 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, giảm 88.3%mom và tăng 35.3%yoy; có 2,153 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, giảm 72.4%mom và giảm 18.3%yoy; có 1,506 doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, giảm 30.4%mom và tăng 29%yoy. Trong 2T.2024, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn gần 49.3 nghìn doanh nghiệp, tăng 27.1%yoy, 10 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 6.5%yoy, gần 3.7 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 14.5%yoy. Bình quân một tháng có 31.5 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.
- Nhận định TPS:** Cũng giống như tháng 02.2021, hoạt động khởi nghiệp kinh doanh khá trầm lắng trong tháng 02.2024 là do tết nguyên đán rơi trọn vào trong tháng 02. Hoạt động khởi nghiệp được kỳ vọng sẽ tích cực hơn trong những tháng tới khi mà xuất khẩu và thị trường tiêu thụ trong nước đang dần khởi sắc kể từ đầu năm 2024 đến nay. Bên cạnh đó, dòng vốn FDI tăng mạnh, đặc biệt là lợi thế về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn sẽ giúp cho Việt Nam thu hút được nguồn vốn FDI hơn, nhiều doanh nghiệp phụ trợ, xuất khẩu sẽ được ra đời nhiều hơn.

Doanh nghiệp thành lập mới và giải thể 2T.2024



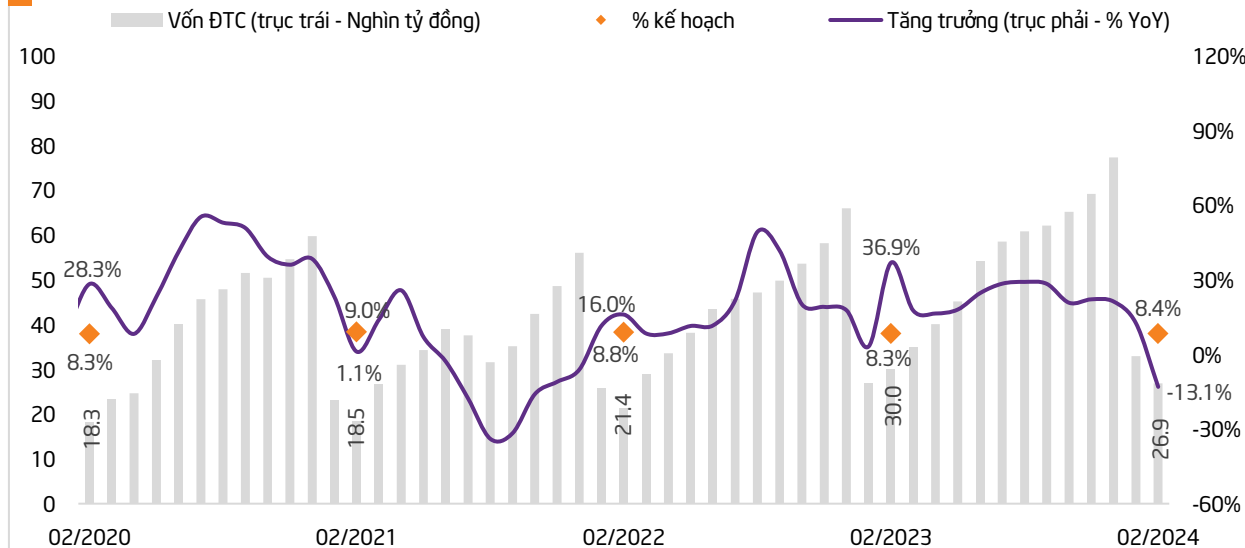
Số lượng doanh nghiệp thành lập mới tăng 12.4% trong 2T.2024



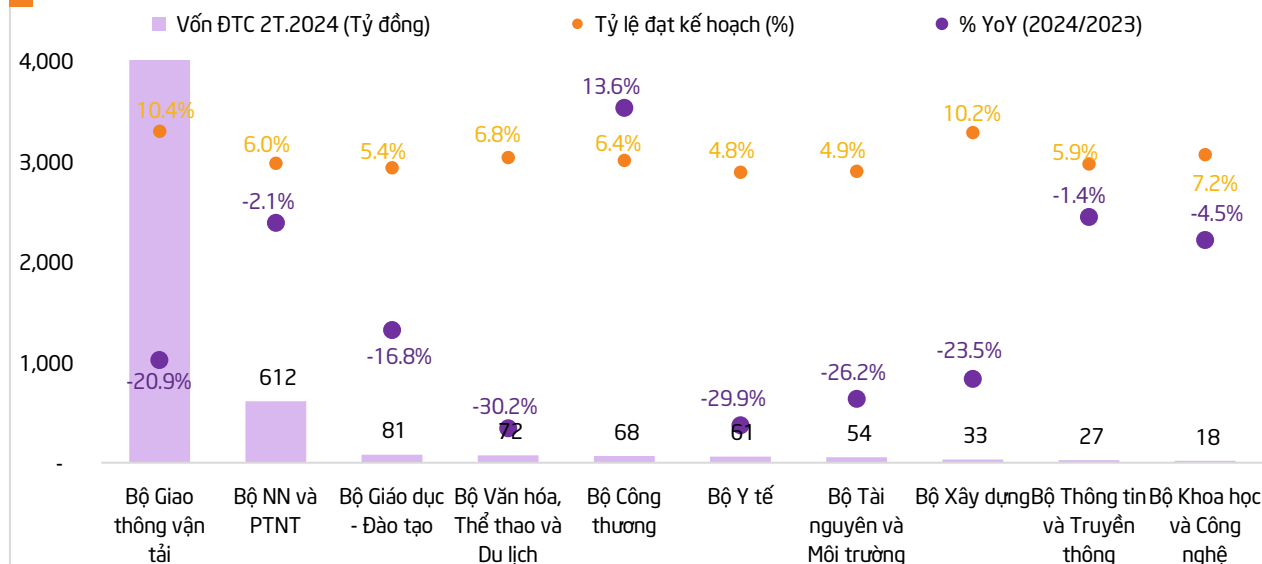
Giải ngân vốn đầu tư công 2T.2024 đạt 8.4% kế hoạch, tăng 2.1%yoy

- Theo số liệu GSO, giải ngân đầu tư công trong tháng 2.2024 ước khoảng 26.9 nghìn tỷ đồng, giảm 13.1%yoy. Trong 2T.2024, giải ngân vốn đầu tư công ước 59.8 nghìn tỷ đồng, đạt 8.4% kế hoạch và tăng 2.1%yoy.
- TPS nhận định:** Do ảnh hưởng của lễ tết nguyên đán rơi vào tháng 2 nên giải ngân đầu tư công tháng này có sụt giảm so với cùng kỳ. Tuy nhiên, tổng giải ngân vốn đầu tư công từ đầu năm 2024 đến nay vẫn duy trì kết quả tích cực, tỷ lệ đạt kế hoạch cao hơn so với cùng kỳ năm ngoái. Đặc biệt, các bộ ngành và địa phương đã thúc đẩy triển khai nhiều công việc, công đoạn để đẩy nhanh tiến độ thực các dự án đầu tư công ngay từ đầu năm. Vì vậy, chúng tôi kỳ vọng, giải ngân đầu tư công sẽ tiếp tục được tăng tốc và ghi nhận kết quả tích cực ở những tháng tiếp theo.

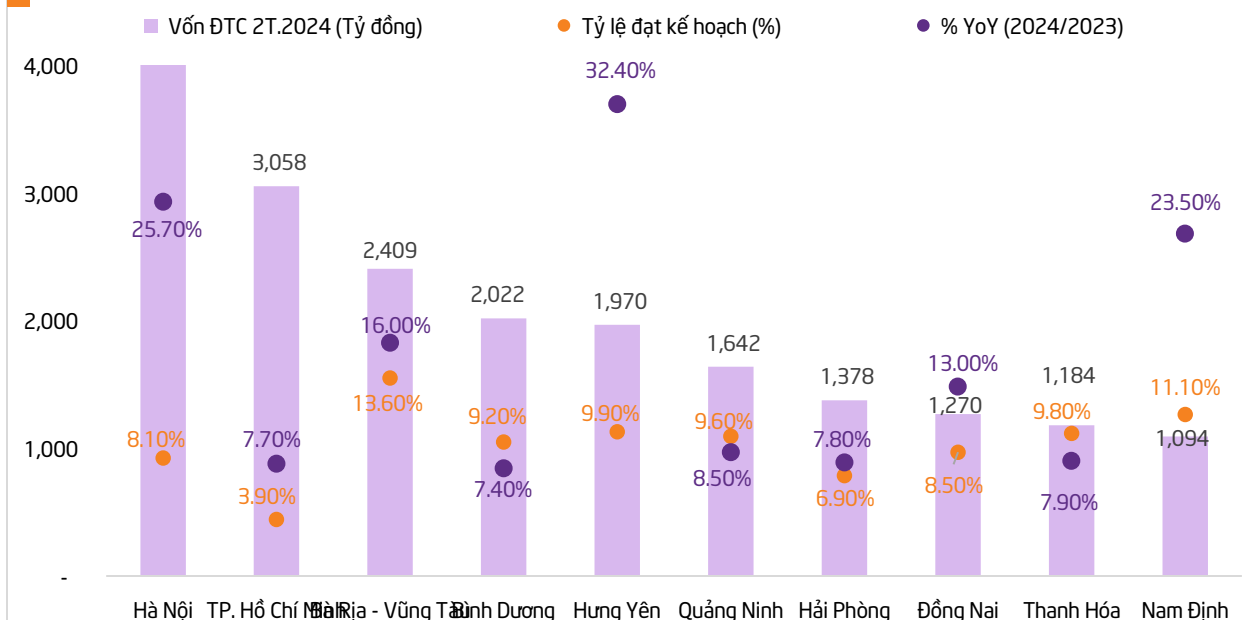
Giải ngân vốn ĐTC hàng tháng giai đoạn 2020 - 2024



Giải ngân vốn đầu tư công 2T.2024 phân theo Bộ, ngành



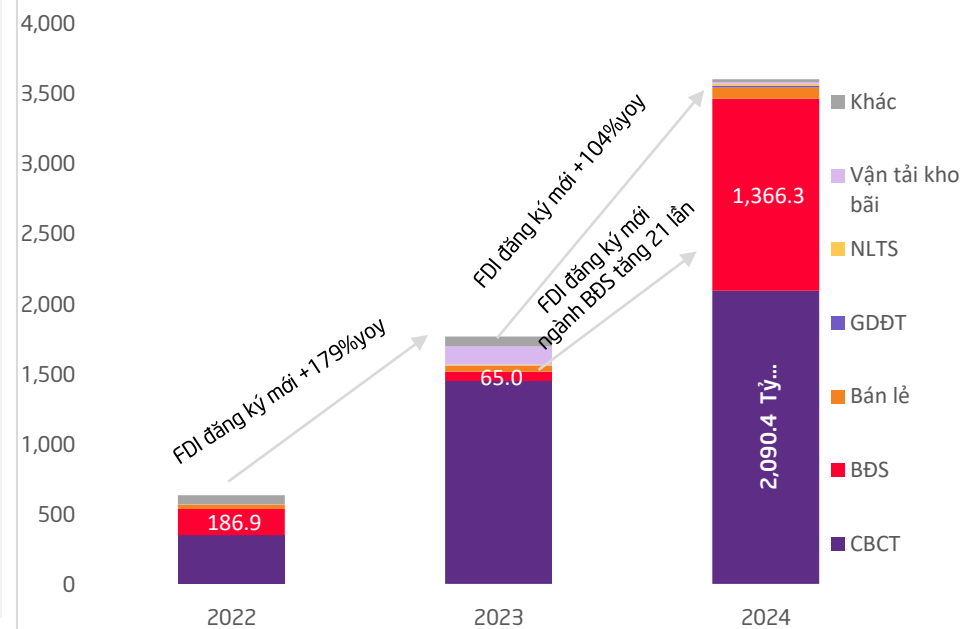
Giải ngân vốn đầu tư công 2T.2024 phân theo địa phương



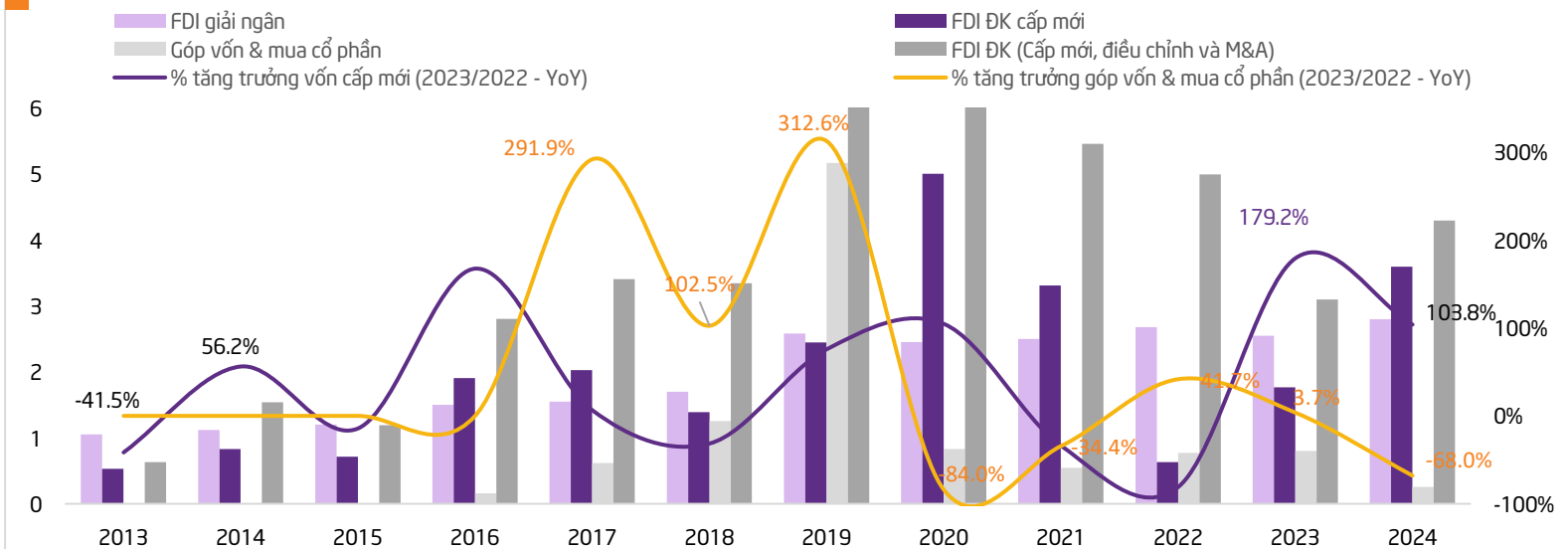
Giải ngân FDI 2 tháng đầu năm đạt mức kỷ lục trong vòng 5 năm qua

- Giải ngân FDI 2T.2024 ước đạt 2.8 tỷ USD, tăng 9.8%yoy, đây là mức cao nhất của 2 tháng đầu năm trong vòng 5 năm qua. Trong đó, công nghiệp chế biến chế tạo đạt 2.17 tỷ USD, chiếm 77.5% tổng FDI giải ngân 2T.2024, BĐS ước đạt 279.3 triệu USD, chiếm 10%; sản xuất, phân phối điện, khí đốt đạt 128.4 triệu USD, chiếm 4.6%.
- FDI đăng ký 2T.2024 đạt 4.29 tỷ USD, tăng 38.6%yoy. Trong đó, FDI đăng ký mới ghi nhận 3.60 tỷ USD, tăng 105%yoy; FDI đăng ký điều chỉnh 0.44 tỷ USD, giảm 18.5%yoy và FDI M&A ghi nhận 0.26 tỷ USD, giảm 67.5%yoy. Trong FDI đăng ký cấp mới, FDI đăng ký mới lĩnh vực chế biến chế tạo ghi nhận 2.1 tỷ USD, tăng 4.4%yoy và lĩnh vực BĐS ghi nhận 1.37 tỷ USD, tăng 21 lần so với cùng kỳ năm trước.
- Nhận định TPS:** Ngay từ đầu năm, FDI giải ngân và FDI đăng ký mới đã bắt đầu tăng tốc và ghi nhận được kết quả rất khả quan. Bên cạnh đó, ngoài lĩnh vực chế biến chế tạo, FDI đăng ký mới trong lĩnh vực BĐS có sự bứt tốc mạnh mẽ, với mức tăng kỷ lục, tăng 21 lần so với cùng kỳ. Điều này không những có tác động tích cực tới các lĩnh vực tiêu dùng trong nước mà lĩnh vực BĐS cũng được kỳ vọng sớm phục hồi. Điểm khác biệt của năm nay là hoạt động M&A không còn tích cực như năm trước và giảm mạnh.

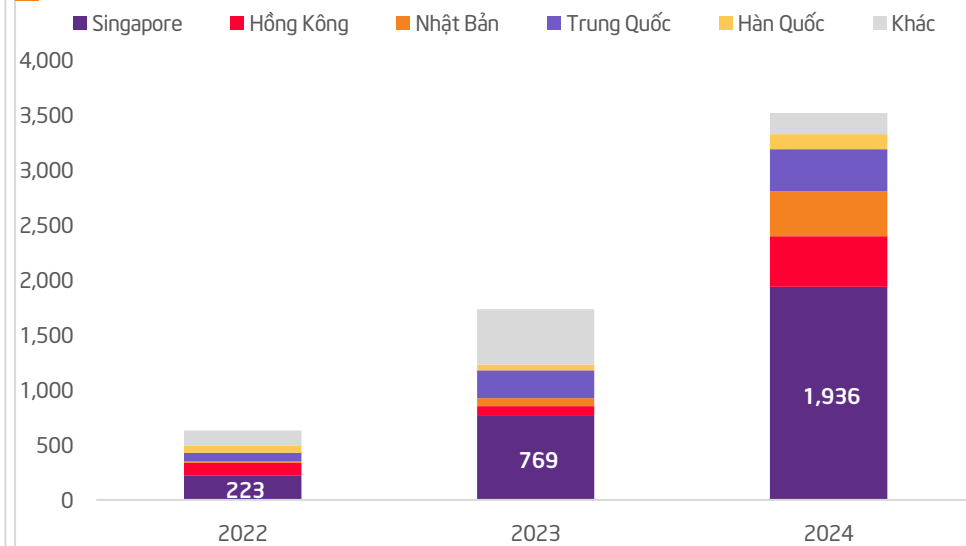
FDI đăng ký mới ngành BĐS 2T.2024 tăng gấp 21 lần so với cùng kỳ



FDI đăng ký, giải ngân và tốc độ tăng trưởng 2T. (2013 - 2024) (Tỷ USD, %yoy)



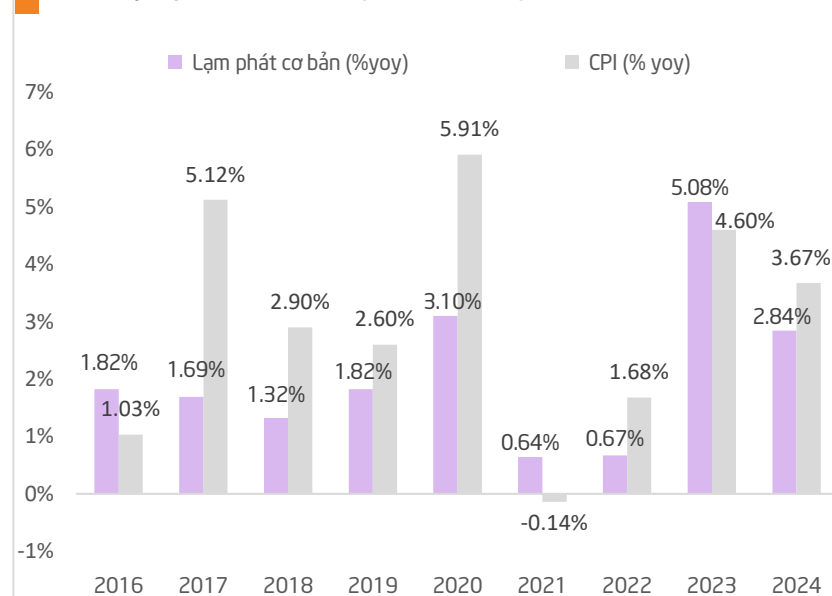
53.8% FDI đăng ký mới vào Việt Nam 2T.2024 đến từ Singapore (Triệu USD)



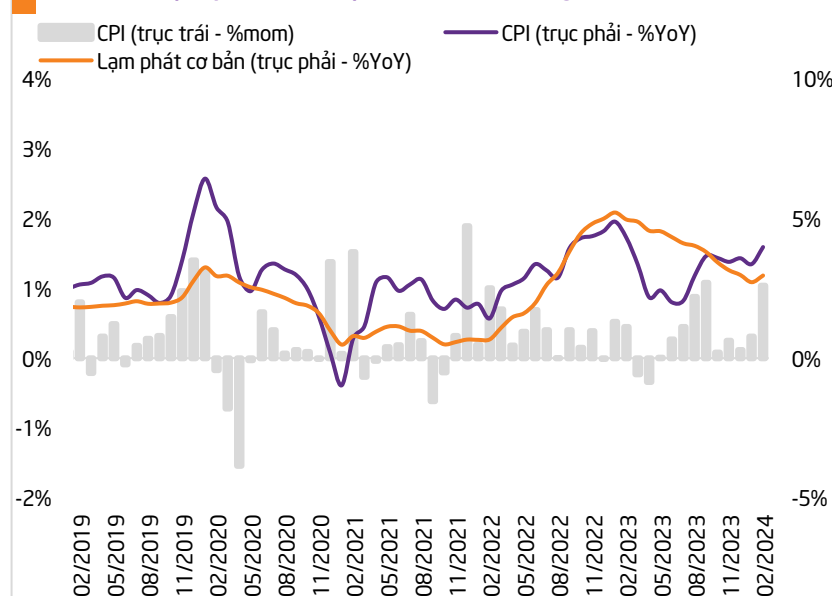
Lạm phát gia tăng nhưng không đáng lo ngại

- CPI tháng 02.2024 tăng 1.04% mom và 3.98%yoy. Trong 11 nhóm hàng tiêu dùng chính có 10 nhóm tăng giá và 1 nhóm giảm giá. Các nhóm có CPI tăng mạnh như: Giáo dục (+8.55%yoy – do một số tỉnh, thành phố đã tăng mức học phí), Thuốc & dịch vụ y tế (+6.52%yoy – giá y tế được điều chỉnh theo thông tư số 22/2023/TT-BYT), Hàng hoá & dịch vụ khác (+6.49% - lệ phí công chứng, bảo hiểm, dịch vụ vệ sinh môi trường tăng), nhà ở và vật liệu xây dựng (+4.95% - giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở và giá nhà ở thuê tăng), hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+4.23% - nhóm lương thực tăng 17.36%). Chỉ có nhóm bưu chính, viễn thông có CPI giảm 1.48%yoy do giá điện thoại thể hệ cũ giảm. Lạm phát cơ bản tăng 0.49%mom và 2.96%yoy.
- 2T.2024, CPI tăng 3.67% yoy do giá gạo trong nước tăng theo giá gạo xuất khẩu, giá xăng dầu & gas tăng theo nhiên liệu thế giới và sức mua tăng lên trong dịp tết nguyên đán. Lạm phát cơ bản tăng 2.84%yoy, thấp hơn mức CPI bình quân chung (tăng 3.67%) chủ yếu do giá lương thực, xăng dầu, giá dịch vụ y tế và giá dịch vụ giáo dục là yếu tố tác động tăng CPI nhưng thuộc nhóm hàng được loại trừ trong danh mục tính toán lạm phát cơ bản.
- TPS nhận định:** Như chúng tôi đã nhận định trong báo cáo “chiến lược cho nhà Đầu tư chứng khoán năm 2024”, áp lực lạm phát khá cao ở những tháng đầu năm và có xu hướng giảm dần ở những tháng cuối năm. Lạm phát đầu năm cao một phần do ảnh hưởng tỷ giá, một phần là do giá tăng cao của một số mặt hàng trong tết nguyên đán, giá gạo và giá nhiên liệu tăng. Lạm phát được kỳ vọng hạ nhiệt ở những tháng cuối năm khi ảnh hưởng của hiện tượng Elnino giảm dần, các xung đột bớt căng thẳng và Fed thực hiện tiến trình cắt giảm lãi suất.

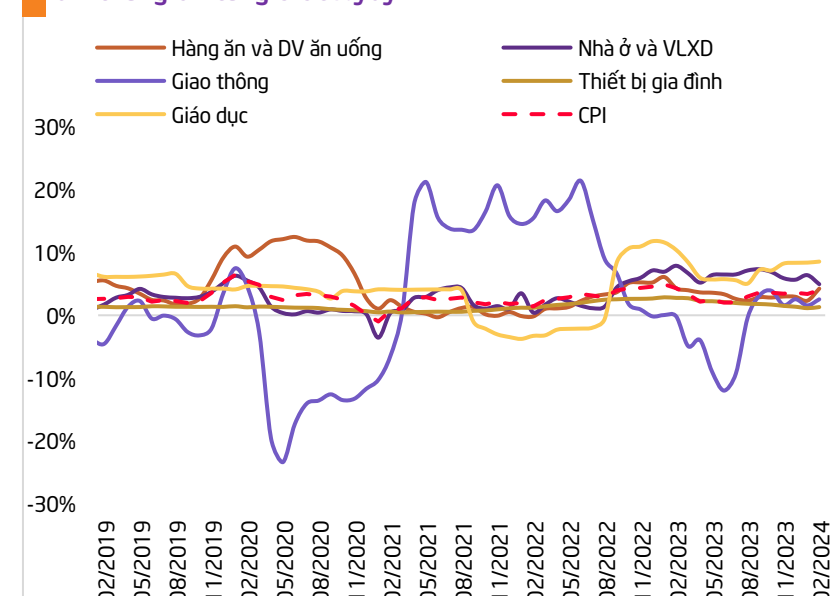
CPI và lạm phát cơ bản 2T.(2016 - 2024)



Diễn biến lạm phát của Việt Nam theo tháng



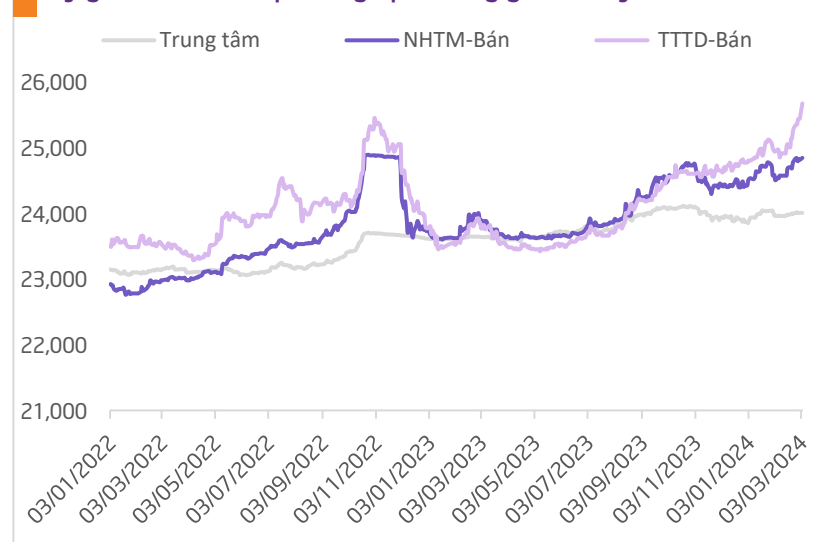
CPI tháng 02 tăng 3.98%yoy



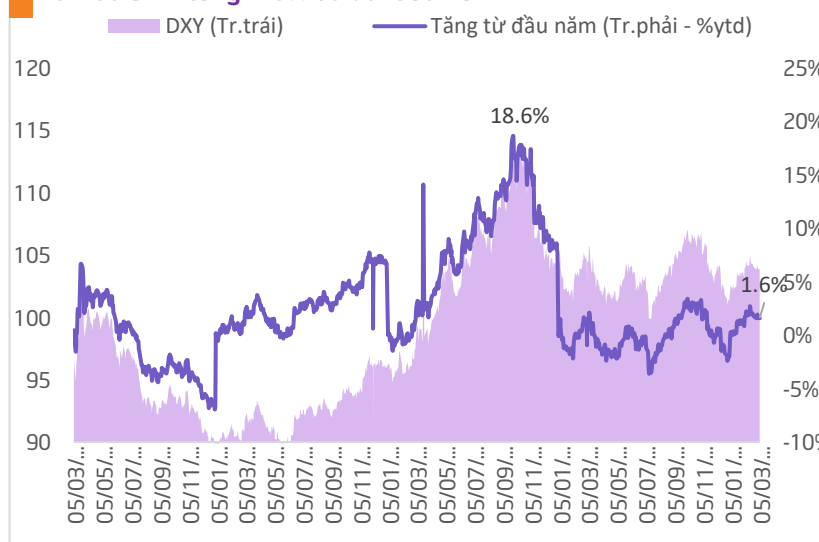
Áp lực tỷ giá trong thời gian tới vẫn hiện hữu nhưng không quá căng thẳng

- Tính tới ngày 05/03/2024, chỉ số DXY tăng 1.6%ytd, mức tăng này khá cao kể từ 2025, chỉ thấp hơn so cùng kỳ năm 2015 và 2020. Chỉ số DXY tăng trong giai đoạn này là do các dữ liệu kinh tế của Hoa Kỳ vẫn ổn định, ngụ ý Fed có thể chưa cắt giảm lãi suất với tốc độ nhanh như kỳ vọng (kỳ vọng trước đây là Fed sẽ cắt giảm kể từ tháng 03/2024). Tuy nhiên, vẫn thấp hơn rất nhiều so với thời điểm 27/09/2022 (tăng 18.61%ytd), điều này cho thấy, áp lực tăng DXY vẫn còn hiện hữu nhưng không quá căng thẳng như thời điểm năm 2022.
- Chỉ số DXY tăng đã tác động không nhỏ tới tỷ giá USD/VND. Cụ thể, tính tới thời điểm 05/03/2024, tỷ trung tâm tăng 0.6%ytd, tỷ giá NHTM tăng 1.7%ytd và tỷ giá thị trường tự do tăng tới 3.6%ytd.
- TPS nhận định:** Chúng tôi cho rằng, tỷ giá tăng do một số nguyên nhân như: (1) Nhu cầu nhập khẩu tăng do xuất khẩu phục hồi và nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng trong tết, (2) ảnh hưởng bởi yếu tố tâm lý lo ngại Fed sẽ kéo dài thời gian cắt giảm lãi suất dẫn đến hiện tượng giữ USD tác động tới tỷ giá trên thị trường tự do, (3) Chênh lệch lãi suất giữa Mỹ và Việt Nam từ giữa 2022 đến nay luôn tạo áp lực lên tỷ giá. (4) Việc giá vàng trong nước tăng mạnh do nhu cầu tăng khiến các tiệm vàng tư nhân cũng tăng cường việc nhập khẩu vàng, từ đó gây áp lực lên tỷ giá tự do. Theo quan điểm của chúng tôi, tỷ giá sẽ không quá căng thẳng như trước đây vì được hỗ trợ bởi một số yếu tố sau: (1) Nguồn ngoại tệ của Việt Nam hiện nay vẫn khá dồi dào, (3) Tăng trưởng tín dụng của Việt Nam trong những tháng đầu năm khá thấp, (3) Việt Nam duy trì được 4.72 tỷ USD xuất siêu, đây là mức khá cao so với những năm trước (năm 2023: xuất siêu 2.8 tỷ USD, 2022: nhập siêu 937 triệu USD, 2021: xuất siêu 1.29 tỷ USD).

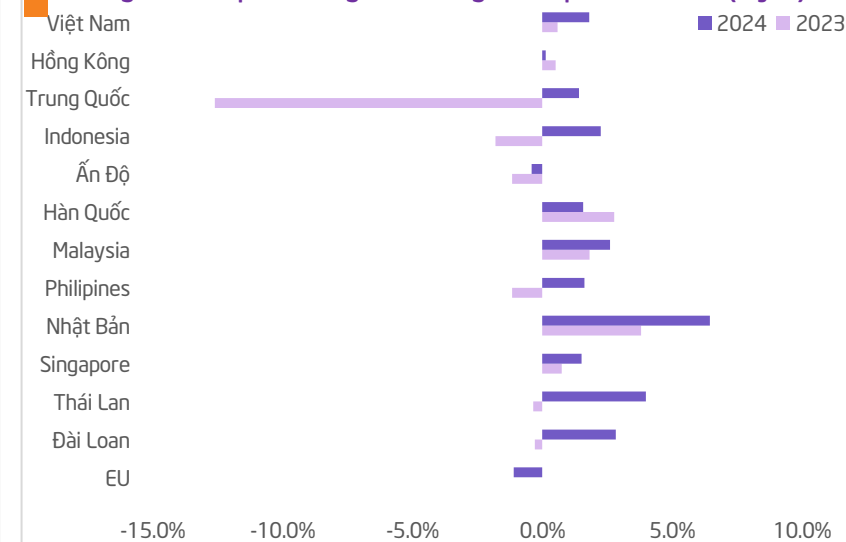
Tỷ giá USD/VND thị trường tự do tăng gần 3.6%ytd.



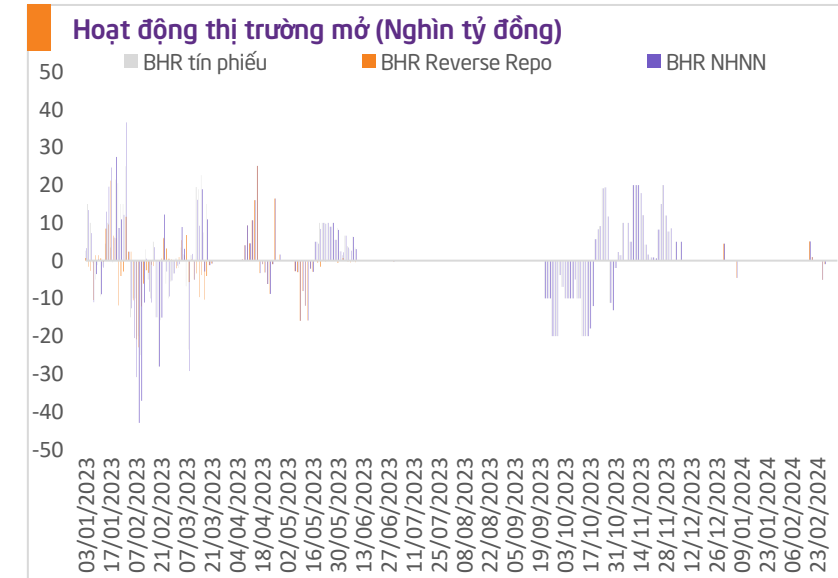
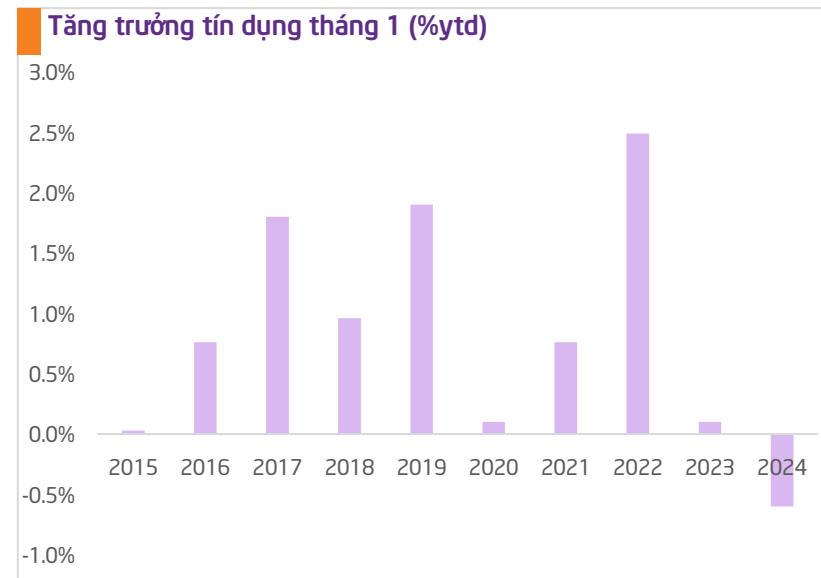
Chỉ số DXY tăng 1.6% so với đầu năm



Mất giá của một số đồng tiền trong khu vực so với USD (%ytd)



- ### Diễn biến lãi suất liên ngân hàng(%)
-
- The chart displays the evolution of interbank interest rates from 2023 to 2024. The Y-axis represents the interest rate percentage, ranging from 0% to 5% (with labels at 0%, 2%, 3%, 6%, 9%, and 2%). The X-axis shows time in months, with labels for 2023 and 2024. The legend indicates six different maturities: ON (Overnight), 1 Tuần (1 Week), 2 Tuần (2 Weeks), 1 Tháng (1 Month), 3 Tháng (3 Months), and 6 Tháng (6 Months). The 6-month rate is consistently the highest, starting around 1.5% in early 2023 and ending around 3.5% in early 2024. The ON rate is consistently the lowest, starting around 0.5% in early 2023 and ending around 1.5% in early 2024. All rates show a general downward trend over the period, with significant volatility, particularly in the 1-month and 3-month rates.



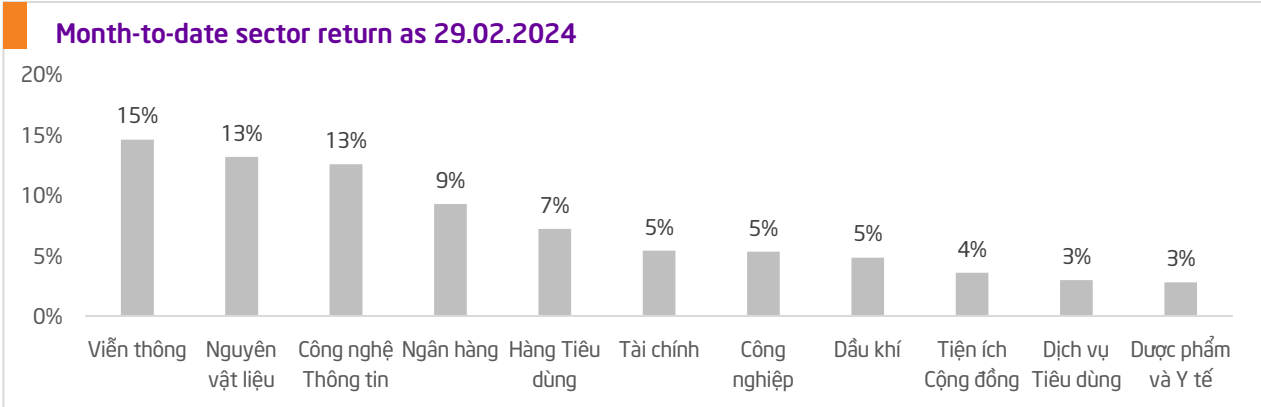
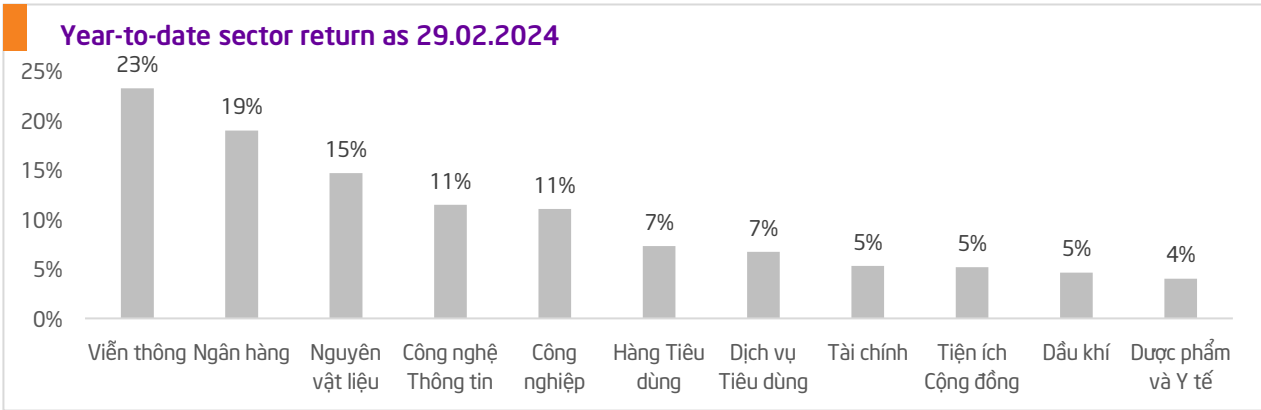


THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN THÁNG 2/2024 và KỲ VỌNG THÁNG 3

THIẾT LẬP THÁNG TĂNG ĐIỂM THỨ 4 LIÊN TIẾP

Nhìn lại tháng 02.24, thị trường đã duy trì được nhịp đi lên rất tích cực, dù chịu áp lực chốt lời tương đối lớn của phiên cuối tháng 01.24, song tâm lý của nhà đầu tư đã nhanh chóng ổn định trở lại ngay trong phiên đầu tháng 02. Đồng thời cũng là thời điểm KQKD Q4.23 của thị trường được thể hiện toàn diện nhất.

Tâm lý tích cực về KQKD của thị trường kết hợp với hiệu ứng trước kỳ nghỉ lễ (The pre-holiday effect) Tết Âm lịch đã giúp các chỉ số chính có nhịp tăng điểm tốt trong tháng 02.24. Trong đó ngành ngân hàng là nhân tố chính dẫn dắt thị trường trong tháng qua. Qua đó giúp thị trường có chuỗi tăng điểm tháng thứ 4 liên tiếp.



Đóng cửa phiên 29.02.2024

VN-INDEX 1,252.73	▲ 7.59% %MTD	P/E 14.51 lần	P/B 1.79 lần
HNX-INDEX 235.46	▲ 2.74% %MTD	P/E 19.69 lần	P/B 1.4 lần

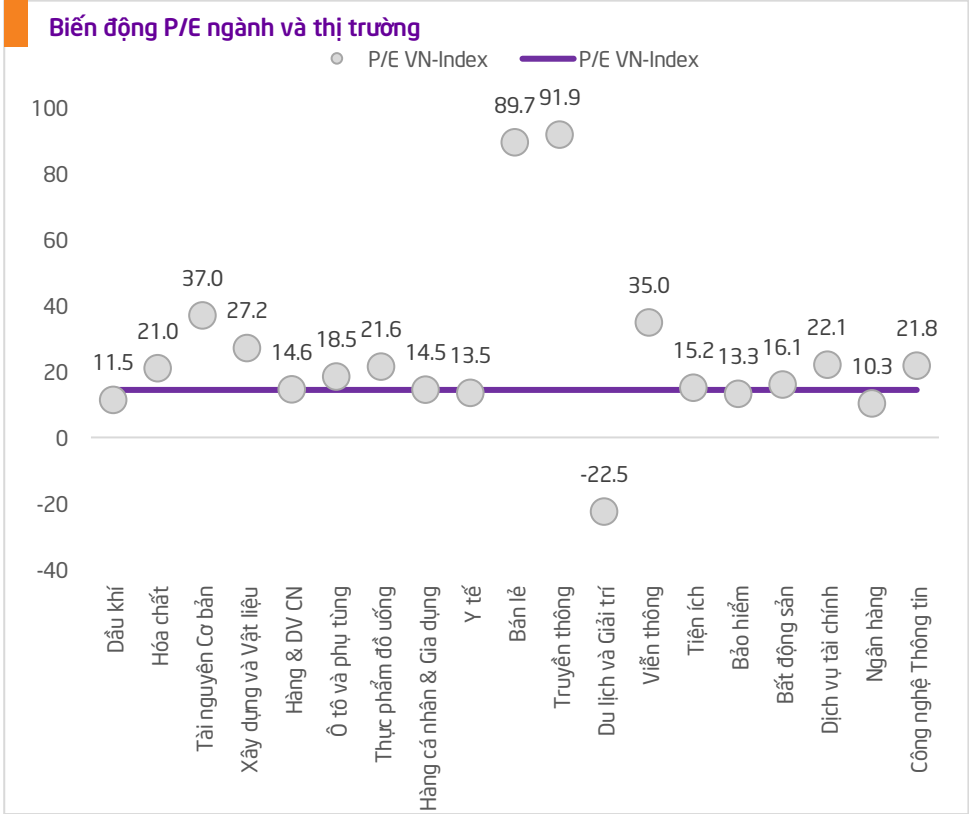
Index	29/02 Close	%MoM	%3M	%YoY	%YTD
VN-Index	1,252.7	7.6%	14.5%	22.3%	10.9%
HNX-Index	235.5	2.7%	4.1%	16.3%	1.9%
UPCOM	90.6	3.4%	6.6%	18.6%	4.1%
VM30	1,265.8	8.5%	17.0%	24.7%	11.9%
VNMID	1,841.9	5.0%	10.6%	47.7%	6.5%
VNSML	1,450.8	5.1%	8.5%	32.6%	5.8%

Sinh lời hàng tháng của VN-Index

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
2011	5%	-10%	0%	4%	-12%	3%	-6%	5%	1%	-2%	-10%	-8%
2012	10%	9%	4%	7%	-9%	-2%	-2%	-4%	-1%	-1%	-3%	10%
2013	16%	-1%	3%	-3%	9%	-7%	2%	-4%	4%	1%	2%	-1%
2014	10%	5%	1%	-2%	-3%	3%	3%	7%	-6%	0%	-6%	-4%
2015	6%	3%	-7%	2%	1%	4%	5%	-9%	0%	8%	-6%	1%
2016	-6%	3%	0%	7%	3%	2%	3%	3%	2%	-1%	-2%	0%
2017	5%	2%	2%	-1%	3%	5%	1%	0%	3%	4%	13%	4%
2018	13%	1%	4%	-11%	-8%	-1%	0%	3%	3%	-10%	1%	-4%
2019	2%	6%	2%	0%	-2%	-1%	4%	-1%	1%	0%	-3%	-1%
2020	-3%	-6%	-25%	16%	12%	-5%	-3%	10%	3%	2%	8%	10%
2021	-4%	11%	2%	4%	7%	6%	-7%	2%	1%	8%	2%	1%
2022	-1%	1%	0%	-8%	-5%	-7%	1%	6%	-12%	-9%	2%	-4%
2023	10%	-8%	4%	-1%	2%	4%	9%	0%	-6%	-11%	6%	3%
2024	3%	8%										

THIẾT LẬP THÁNG TĂNG ĐIỂM THỨ 4 LIÊN TIẾP

Sector Overview							
Sector	KLGD 02/2024 (triệu cp)	%MoM	GTGD 02/2024 (tỷ VND)	%MoM	Market Cap (Tỷ VND)	P/E	
Dầu khí	352	5%	9,467	10%	156,148	11.5	
Hóa chất	518	6%	16,207	28%	245,326	21.0	
Tài nguyên Cơ bản	1,109	-26%	24,550	-23%	274,133	37.0	
Xây dựng và Vật liệu	1,300	-24%	25,414	-20%	264,051	27.2	
Hàng & DV CN	666	-15%	17,455	-13%	476,660	14.6	
Ô tô và phụ tùng	90	-15%	1,370	-16%	24,612	18.5	
Thực phẩm đồ uống	1,112	-20%	28,980	-2%	645,249	21.6	
Hàng cá nhân & Gia dụng	131	-9%	4,934	-5%	80,375	14.5	
Y tế	74	-5%	865	-23%	56,364	13.5	
Bán lẻ	272	-19%	11,676	-14%	115,773	89.7	
Truyền thông	45	-26%	575	-27%	51,022	91.9	
Du lịch và Giải trí	66	-34%	2,079	-29%	104,619	-22.5	
Viễn thông	22	11%	718	29%	127,808	35.0	
Tiện ích	221	-18%	4,238	-10%	412,566	15.2	
Bảo hiểm	95	-20%	2,226	-2%	69,514	13.3	
Bất động sản	3,012	-10%	69,083	-5%	889,487	16.1	
Dịch vụ tài chính	2,617	-13%	59,700	-11%	257,067	22.1	
Ngân hàng	3,868	-20%	84,967	-14%	2,102,079	10.3	
Công nghệ Thông tin	164	-16%	8,013	21%	147,311	21.8	



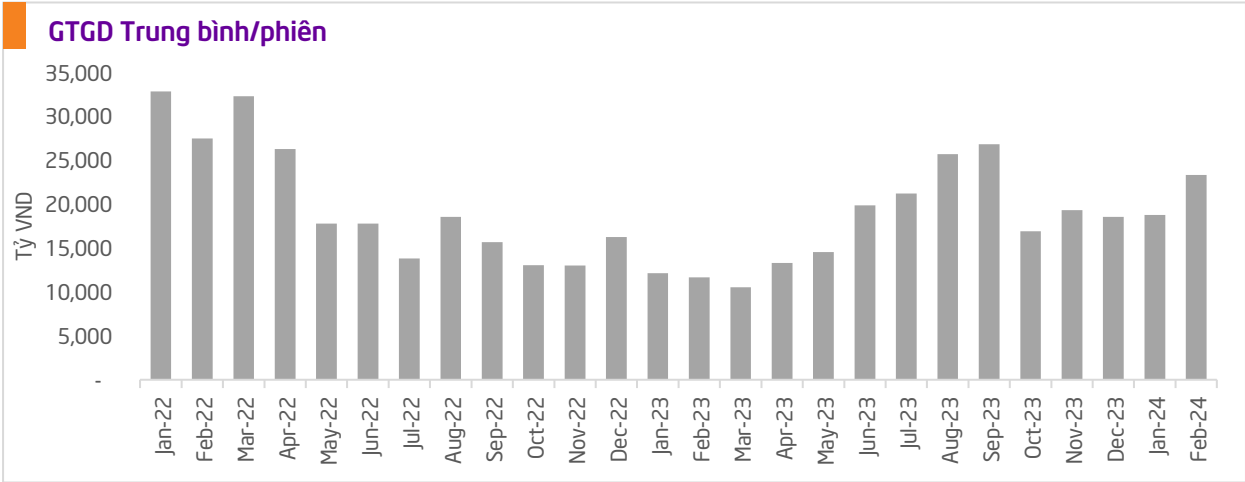
Nguồn: FiinPro, TPS Research

THANH KHOẢN DỒI DÀO TRONG THÁNG 02.2024

- Trong tháng 2, dù chỉ giao dịch 10 ngày song thanh khoản thị trường vẫn đạt mức gần tương đương tháng 01.24. Cụ thể, KLGD của thị trường trong tháng 2 đạt 15.7 tỷ cổ phiếu, tương giá trị 372 nghìn tỷ đồng, bằng 90% so với tháng trước.
- Trong đó, khối lượng giao dịch bình quân/phiên trong tháng 02 thể hiện sự tăng trưởng mạnh với 983 triệu cp/phiên, tương đương giá trị giao dịch 23.3 nghìn tỷ đồng/phiên, tăng lần lượt 15.2% và 24.2% MoM. Điều này cho thấy dòng tiền tham gia thị trường vẫn khá ổn định. Thanh khoản trên thị trường chứng quyền cũng sôi động hơn khi diễn biến của tài sản cơ sở tích cực. Trong khi đó thanh khoản trên thị trường phái sinh có sự trầm lắng.

Thanh khoản thị trường				Top cổ phiếu vốn hoá lớn nhất thị trường	
	02.2024	01.2024	%MoM	Mã CK	Market Cap (Tỷ VND)
Thị trường Cơ sở				Vietcombank	533,758
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	983	853	15.2%	BIDV	310,104
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	23,282	18,751	24.2%	CTG	195,736
+ Vốn hoá TT (tỷ VND)	6,511,688	6,074,901	7.2%	Vinhomes	190,068
Thị trường Phái sinh				GAS	181,442
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	166,138	187,854	-12%	Hoa Phat	181,131
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	20.4	21.9	-7%	Vingroup	173,212
Thị trường Chứng quyền				VPBank	156,695
+ KLGD Bình quân (triệu cp/phiên)	66	57	17%	Vinamilk	152,567
+ GTGD Bình quân (tỷ VND/phiên)	60	43	40%	Techcombank	148,650

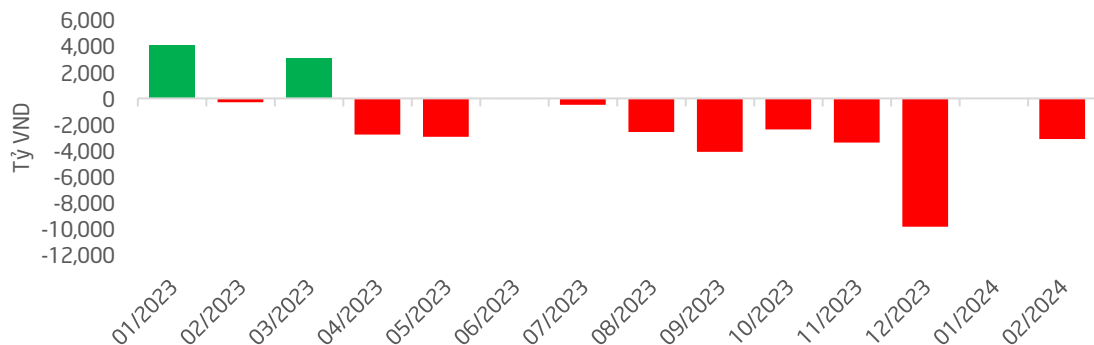
Top cổ phiếu tăng mạnh nhất T02.24 HOSE		Top cổ phiếu giảm mạnh nhất T02.24 HOSE	
Mã CK	%MoM	Mã CK	%MoM
SFG	+46.11%	ST8	-23.82%
DHM	+33.93%	QNP	-16.99%
HTL	+32.71%	MDG	-13.38%
CCL	+30.25%	TTE	-11.57%
GVR	+27.68%	NO1	-10.00%
FRT	+26.53%	HAG	-9.86%
TNT	+25.11%	TN1	-9.48%
DGC	+23.89%	GTA	-9.09%
TCD	+22.67%	HNG	-7.83%
TCB	+22.14%	LBM	-7.61%



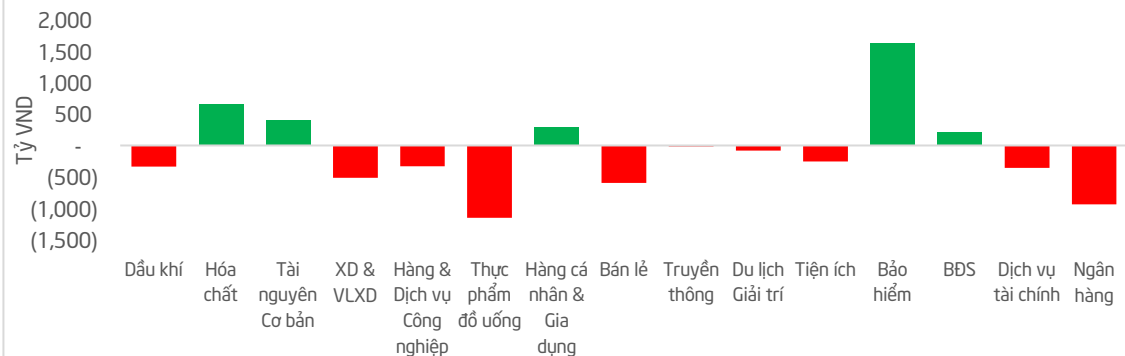
KHOẢNG NGẠI TIẾP TỤC RÚT RÒNG

- Sau kỳ nghỉ Tết âm lịch, khối ngoại tiếp tục gia tăng áp lực lên thị trường khi tiếp tục rút ròng, trong đó riêng hai phiên ngày 22 và 23 khối này đã bán ròng hơn 1600 tỷ đồng, chiếm hơn 60% tổng giá trị bán ròng của tháng. Nguyên nhân chủ yếu liên quan đến sự chênh lệch lãi suất giữa thị trường Mỹ và Việt Nam. Áp lực bán của khối ngoại xuất hiện trên diện rộng, trong đó ngành thực phẩm đồ uống và ngân hàng là hai ngành bị bán mạnh nhất trong tháng 02. Trong khi đó, ngành bảo hiểm được mua ròng nhiều nhất với giá trị 1,628 tỷ đồng chủ yếu đến từ mã BHI.
- Chúng tôi nhận thấy nhiều khả năng phải chờ tới Quý 2/2024 Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) mới bắt đầu lộ trình cắt giảm lãi suất, do đó chúng tôi cho rằng câu chuyện chênh lệch lãi suất Việt Nam và Mỹ dự kiến sẽ tiếp tục kéo dài và động thái bán ròng của khối ngoại sẽ còn tiếp diễn trong thời gian tới.

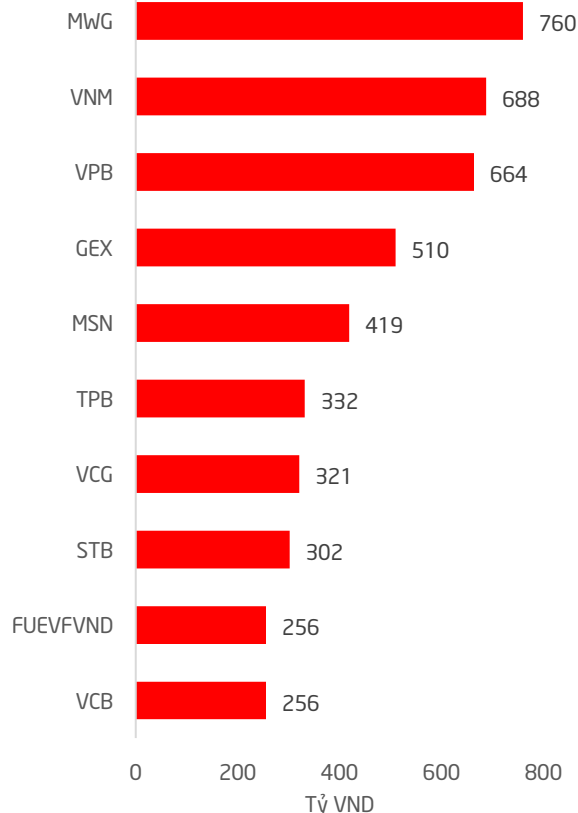
Khoảng ngoại tiếp tục bán ròng trên trong tháng 02.2024



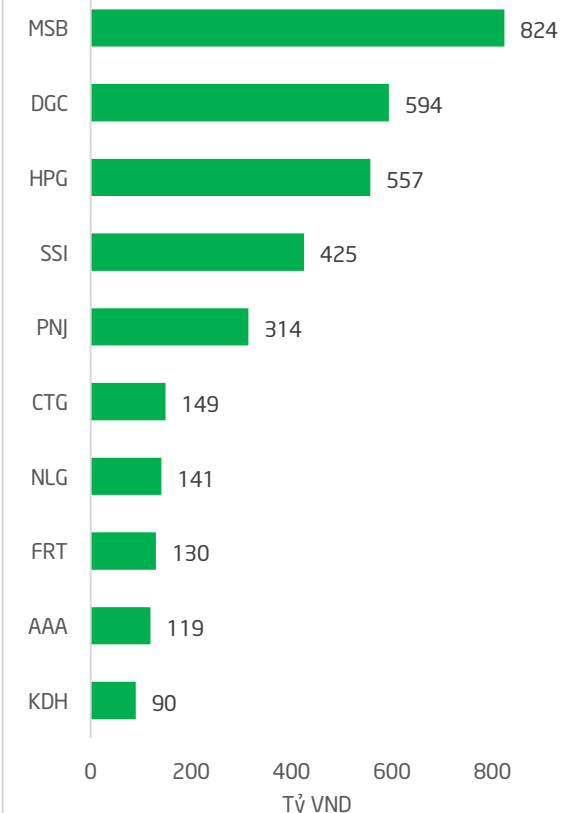
Khoảng ngoại tập trung mua ròng mạnh ngành bảo hiểm trong tháng 02



Top cổ phiếu bán ròng trên HOSE



Top cổ phiếu mua ròng trên HOSE



LỰA CHỌN NGÀNH NÀO CHO THÁNG 3?

- Ngân hàng và chứng khoán đang là hai ngành có xu hướng tốt trên thị trường. Trong đó, nhóm ngân hàng đang được hỗ trợ bởi các yếu tố (1) gia hạn Thông tư 02/2023 giúp các ngân hàng có thêm dư địa giảm lãi suất huy động hỗ trợ tăng trưởng tín dụng (2) Vướng mắc pháp lý BĐS đang dần được khơi thông, tạo điều kiện cho tín dụng phục hồi (3) Tỷ lệ CASA phục hồi trở lại giúp NIM có thể cải thiện trong 2024.
- Với nhóm chứng khoán, (1) Lãi suất huy động đang liên tục giảm trong thời gian qua sẽ hỗ trợ cho sự dịch chuyển của dòng vốn đến kênh đầu tư CK (nơi có tỷ suất lợi nhuận cao hơn), qua đó hỗ trợ thanh khoản cho thị trường (2) Nền kinh tế phục hồi sẽ giúp lợi nhuận của các doanh nghiệp trên thị trường cải thiện (3) Hệ thống KRX vận hành củng cố cho khả năng nâng hạng của thị trường.
- Với khẩu vị rủi ro hơn, các ngành liên quan đến XNK và sản xuất có thể được lựa chọn với kỳ vọng hoạt động sản xuất kinh doanh cải thiện và KQKD phục hồi trong Q1.24 nhờ mức nền thấp cùng kỳ.

LNST của nhiều ngành được kỳ vọng cải thiện tích cực trong Q1.24 nhờ mức nền thấp cùng kỳ

	Q1.2020	Q1.2021	Q1.2022	Q1.2023
Dầu khí	Loss	Turnaround	10%	-5%
Hóa chất	-44%	186%	318%	-72%
Tài nguyên Cơ bản	19%	262%	8%	-88%
Xây dựng và Vật liệu	-20%	61%	65%	-75%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-16%	23%	29%	-17%
Ô tô và phụ tùng	-11%	106%	10%	-66%
Thực phẩm và đồ uống	-24%	15%	46%	-38%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-17%	46%	42%	-33%
Y tế	16%	-11%	26%	34%
Bán lẻ	-3%	18%	28%	-88%
Truyền thông	-20%	14%	-19%	-36%
Du lịch và Giải trí	Loss	34%	-52%	Turnaround
Viễn thông	242%	Loss	Turnaround	-45%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-42%	52%	58%	-9%
Bảo hiểm	-46%	121%	6%	9%
Bất động sản	22%	57%	-11%	34%
Dịch vụ tài chính	Loss	Turnaround	35%	-58%
Ngân hàng	8%	78%	30%	-2%
Công nghệ Thông tin	17%	15%	59%	1%

VNINDEX - ĐÀ TĂNG DỰ KIẾN SẼ CHẬM LẠI TRONG THÁNG 3



- Trên đồ thị PTKT, VN-Index đang dừng ở mức 1269.98 điểm và vượt lên qua cận trên của kênh giá. Chúng tôi nhận thấy những tín hiệu kỹ thuật tích cực của chỉ số như (1) Golden Cross đã xuất hiện (2) Thanh khoản tiếp tục gia tăng cho thấy triển vọng lạc quan đang được duy trì Tuy nhiên, chỉ báo RSI đang trong vùng quá mua dẫn đến khả năng rung lắc/điều chỉnh có thể xuất hiện trong ngắn hạn.
- Theo góc nhìn của chúng tôi, đà tăng của VN-Index dự kiến sẽ chậm lại và nhiều khả năng xuất hiện các phiên giằng co tích lũy nhiều hơn trong tháng 3 trước khi hướng đến kháng cự 1290 – 1310 điểm.
- Các thông tin hỗ trợ thị trường trong tháng 3 đến chủ yếu từ (1) Mùa đại hội cổ đông với các kế hoạch kinh doanh, tăng vốn,... (2) Những thông tin liên quan đến KQKD ước tính Q1.24 dần hé lộ (3) Các quyết định chính sách lãi suất của các NHTW trên thế giới (4) Vận hành thử nghiệm hệ thống KRX có thể củng cố niềm tin cho thị trường nếu đạt được kết quả tích cực.

Economic Watch

Thursday, March 7, 2024

ECB Meeting

Friday, March 15, 2024

Kết thúc thử nghiệm KRX

Tuesday, March 19, 2024

BoJ Meeting

Wednesday, March 20, 2024

FOMC Meeting

Thursday, March 21, 2024

BoE Meeting

Friday, March 29, 2024

Công bố tình hình KTXH, tháng 3 & Q1

Saturday, March 30, 2024

Hạn chót công bố BCTC Kiểm toán Năm 2023

TUYÊN BỐ TRÁCH NHIỆM

Các thông tin, tuyên bố, dự đoán trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, là dựa trên các nguồn thông tin tin cậy, tuy nhiên TPS không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các nguồn thông tin này. Các nhận định trong bản báo cáo này được đưa ra dựa trên cơ sở phân tích chi tiết và cẩn thận, theo đánh giá chủ quan của chúng tôi, là hợp lý trong thời điểm đưa ra báo cáo.

Các nhận định trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không báo trước. Báo cáo này không nên được diễn giải như một đề nghị mua hay bán bất cứ một cổ phiếu nào. Báo cáo này không phải là báo cáo phục vụ cho nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán theo quy định pháp luật. TPS và các công ty con; cũng như giám đốc, nhân viên của TPS và các công ty con có thể có lợi ích trong các công ty được đề cập tới trong báo cáo này.

TPS có thể đã, đang và sẽ tiếp tục cung cấp dịch vụ cho các công ty được đề cập tới trong báo cáo này. TPS sẽ không chịu trách nhiệm đối với tất cả hay bất kỳ thiệt hại nào hay sự kiện bị coi là thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay bất kỳ thông tin hoặc ý kiến nào của báo cáo này. TPS nghiêm cấm việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản toàn bộ hay từng phần bản Báo cáo này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của TPS

Economist

Phan Thị Liên

028 7301 3839 (Ext 574)

lienpt@tpbs.com.vn

Head of Research

Ngô Thị Lệ Thanh

028 7301 3839 (Ext 121)

thanhnt@tpbs.com.vn

LIÊN HỆ

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH - CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TIỀN PHONG (TPS)